

## RỦI RO ĐIỀU CHỈNH VẪN CÒN

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Đối với hoạt động trading, nhà đầu tư có thể xem xét giải ngân ở nhóm cổ phiếu có tin hiệu dòng tiền, kỹ thuật mạnh như bank, chứng khoán, dầu khí,...
<b>BÁN</b>	Hạn chế bán các cổ phiếu đang giữ vững được hỗ trợ MA50 ngày, tận dụng các nhịp hồi phục để cơ cấu lại danh mục.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

<b>MBB</b>	<b>THEO DÕI</b>
	<b>↑ 13,33%</b>
	<b>VND 25.500</b>

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

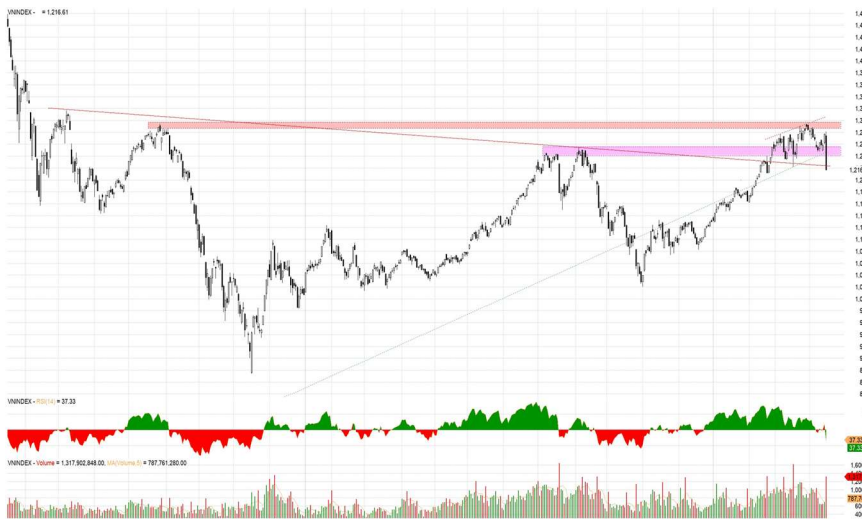
- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (15/4), khi lợi suất trái phiếu tăng cao và mối lo về căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường đột ngột lao dốc sau thời điểm 14h khi áp lực bán tháo diễn ra trên diện rộng khiến chỉ số VN-Index giảm gần 60 điểm, mức giảm mạnh nhất trong gần 2 năm qua. Một phiên mở biên độ lớn khiến nhà đầu tư trên thị trường hoảng loạn với nhiều câu hỏi đặt ra. Tốc độ giảm như hôm nay chắc chắn sẽ ép lượng đòn bẩy phải xuất hiện – cũng cần nhớ là thị trường đi ngang kéo dài khá lâu tại vùng 1.250-1.290 điểm. Trong những phiên tới, VN-Index có thể giao dịch trong vùng 1.200 - 1.245 điểm.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	37.735,11	-0,65	0,12
S&P 500	5.061,82	-1,20	6,12
Nasdaq	15.885,02	-1,79	5,82
VIX	19,23	11,09	54,46
DAX	18.026,58	0,54	7,61
FTSE 100	7.965,53	-0,38	3,00
CAC40	8.045,11	0,43	6,65
Hang Seng	16.600,46	-0,72	-2,62

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	<b>SELL</b>	<b>SELL</b>	<b>BUY</b>

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	37,33	<b>SELL</b>
MACD(12,26)	0,88	<b>SELL</b>
ADX(14)	18,61	<b>SELL</b>
SMA5	1.254,56	<b>SELL</b>
SMA20	1.267,74	<b>SELL</b>
SMA50	1.244,27	<b>SELL</b>
SMA100	1.187,76	<b>BUY</b>
SMA200	1.175,47	<b>BUY</b>

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Lợi suất tiếp tục xu hướng leo thang của thời gian gần đây sau khi số liệu thống kê của Mỹ cho thấy doanh thu bán lẻ tăng 0,7% trong tháng 3 – dấu hiệu mới nhất cho thấy tiêu dùng vẫn mạnh bất chấp áp lực lạm phát. Tốc độ tăng này vượt xa mức dự báo tăng 0,3% mà các nhà kinh tế học đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones.
- Phiên 15/4, NHNN bơm 11.999,9 tỷ đồng qua kênh cầm cố và hút 2.800 tỷ đồng thông qua đấu thầu tín phiếu; đồng thời, có 15.000 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, Ngân hàng Nhà nước bơm ròng 24.200 tỷ đồng ra thị trường qua OMO. Trong khi, tỷ giá tăng vọt ở cả thị trường chính thức và tự do.
- Trên thị trường ngoại tệ, tỷ giá USD/VND chịu áp lực lớn. Ngày 15/4, NHNN công bố tỷ giá trung tâm cặp tiền VND/USD được áp dụng trong ngày ở mức 24.096 VND/USD, tăng 14 đồng so với niêm yết trước. Với biên độ +/-5% theo quy định, tỷ giá sàn là 22.891 VND/USD, tỷ giá trần là 25.301 VND/USD. Giá USD tại các ngân hàng tăng mạnh 120 – 130 VND/USD. Kết phiên 15/4, tỷ giá Vietcombank tăng 120 đồng mỗi chiều, giao dịch tại 24.930 – 25.300 VND/USD mua vào – bán ra.
- PVT:** Trong năm 2024, PVTrans đặt kế hoạch doanh thu 8.800 tỷ đồng, tăng 29,4% so với kế hoạch năm 2023; lợi nhuận sau thuế 760 tỷ đồng, tăng 41,3% so với kế hoạch năm 2023 và nộp ngân sách Nhà nước 354 tỷ đồng. Trong đó, tổng vốn đầu tư dự kiến 3.364 tỷ đồng bao gồm 3.102 tỷ đồng để đầu tư tàu và 262 tỷ đồng để đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên.
- OCB:** Trong năm 2024, OCB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 6.885 tỷ đồng, tăng 66% so với năm ngoài. Ngân hàng tiếp tục tập trung vào hoạt động bán lẻ và phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), tái cơ cấu lại danh mục theo hướng đa dạng nguồn thu.
- HHV:** Theo tờ trình ĐHCĐ thường niên 2024 của CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có kế hoạch phát hành tổng cộng gần 170 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 5.816 tỷ đồng qua ba hình thức chào bán riêng lẻ, phát hành cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức năm 2023.
- PVD:** Theo thông tin từ Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1/2024, công ty ước đạt gần 1.700 tỷ đồng doanh thu và trên 200 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, lần lượt tăng trên 35% và trên 230% so với cùng kỳ. So với quý 4/2023, lợi nhuận trước thuế của công ty giảm 20 tỷ, tương đương 10%.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.381,25	-0,09	15,43
Dầu WTI	86,01	0,70	20,04
Dầu Brent	90,67	0,63	17,69
Than	129,75	0,39	-11,37
Đồng	9.576,00	1,25	11,88
Quặng sắt	111,19	-0,11	-19,38
Thép	527,50	0,48	-6,58

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,324	0,11	4,93
USD/JPY	154,33	-0,03	-8,61
USD/CNY	7,2376	0,01	-1,90
EUR/USD	1,0612	-0,11	-3,87
GBP/USD	1,2429	-0,14	-2,37

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	01/05/2024	0
ECB	4,50%	11/04/2024	0
BOE	5,25%	09/05/2024	0
BOJ	0,10%	26/04/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
NVL	1.222,83	16.500	-6,78
DIG	1.154,41	31.250	-6,99
SSI	1.083,10	34.950	-6,92
VHM	885,69	42.400	-4,72
VIX	830,04	18.150	-6,92

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	514.196,40	92.000	-2,75
BID	283.311,66	49.700	-6,93
VHM	184.625,18	42.400	-4,72
VIC	179.712,09	47.000	-2,99
CTG	179.626,22	33.450	-6,82

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# MBB

## Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

## THEO DÕI

23.400

25.500

13,33%

21.600-22.300

<21.200

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận của MBB được hỗ trợ bởi 3 yếu tố tích cực. Thứ nhất, quy mô tín dụng của MBB được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng. Thứ hai, tận dụng lợi thế nguồn vốn thấp và tỷ lệ CASA cao sẽ giúp tỷ lệ NIM năm 2024 mở rộng hơn và dự kiến tăng về mức trên 5% sau khi tạo đáy trong năm ngoái. Thứ ba, là ngân hàng sở hữu lợi thế hệ sinh thái dịch vụ tài chính toàn diện, bao gồm cho vay tiêu dùng, bảo hiểm, môi giới chứng khoán và quản lý quỹ.
- MBB cũng thuộc Top 5 khoản đầu tư nắm giữ lớn nhất tại các quỹ bao gồm: VCBF, Vinacapital, BVPF, TBLF, SSISCA, VEOF

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Mặc dù MBB đang có mức chỉnh hơn 10% kể từ đỉnh ngắn hạn nhưng xu hướng tăng trung và dài hạn vẫn đang được giữ vững. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến của cổ phiếu trong 1-2 phiên tới để có chiến lược giải ngân phù hợp, vùng hỗ trợ mạnh quanh 22.000 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
<b>DTT (tỷ đ)</b>	36.934	45.593	11.750
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	16.527	22.729	6.287
<b>LNST (tỷ đ)</b>	13.221	18.155	5.045
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	117	117	130
<b>ROE (%)</b>	23,63	25,80	24,51
<b>ROA (%)</b>	2,30	2,62	2,47
<b>EPS (VNĐ)</b>	2.435	3.353	3.966
<b>P/E (lần)</b>	8,6	4,4	5,90
<b>P/B (lần)</b>	1,83	1,02	1,32

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>SELL</b>	<b>NEUTRAL</b>	<b>BUY</b>
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
<b>RSI (14)</b>	44,18	<b>SELL</b>	
<b>MACD(12,26)</b>	-0,01	<b>SELL</b>	
<b>ADX(14)</b>	20,88	<b>SELL</b>	
<b>SMA5</b>	23.920	<b>SELL</b>	
<b>SMA20</b>	24.370	<b>SELL</b>	
<b>SMA50</b>	23.900	<b>SELL</b>	
<b>SMA100</b>	21.610	<b>BUY</b>	
<b>SMA200</b>	20.000	<b>BUY</b>	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	PVD	Theo dõi	29-30			34,5	28,8			
2	MBB	Theo dõi	21,6-22,3			25,5	21,2			
3	KBC	Theo dõi	29,5-30,8			36	29			
4	SSI	Theo dõi	33-34,7			40,1	32,8			
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			5,05%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
2	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
3	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
4	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
5	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
6	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
7	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
8	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
9	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
10	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
11	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
12	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
13	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	29,5	-5,75%
14	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
15	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới  
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Ngày: 10/10/2024		
<b>NI CP</b>	<b>NVL</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Mua	16-16,5	
Cắt lỗ	Dưới 14	-(-12%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	-32%-18%
Chốt lời 2(50%)	21-22	-18-37%
<b>NI CP</b>	<b>SSN</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Mua	65-66	
Cắt lỗ	IC (Chỉ DCA về 61-62)	-(-5%)
Chốt lời 1(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2(50%)	Nằm giữ	
<b>NI CP</b>	<b>GEX</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Mua	21-21,5	
Cắt lỗ	19,8	-(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2(50%)	25,6-26	-12%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	130,000
Giá vốn trung bình	43,34
Góc đầu tư	🕒 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)